

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 19/8/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hồng Thanh;
2/ Ông Nguyễn Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn H

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Cuộc sống hôn nhân bình thường nhưng đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh H thường xuyên uống rượu, bài bạc về nhà kiếm chuyện chửi bới vợ con, năm 2013 chị đã yêu cầu ly hôn nhưng anh H hứa sẽ thay đổi nên chị rút đơn, tạo cơ hội cho gia đình chị được đoàn tụ để cùng lo cho con nhưng anh H chứng nào tật đó, ngày càng quá đáng, anh H không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế

trong nhà một tay chị lo, hiện nay các con chị đang tuổi học hành nhưng anh H uống rượu về nhà kiếm chuyện, đánh đập chửi bới, ảnh hưởng đến tinh thần sức khỏe và việc học của các con nhất là con trai chị hiện đang thi tốt nghiệp phổ thông trung học, chị yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh H nhằm ổn định cuộc sống lo cho các con ăn học.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 18/7/2002 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/4/2007. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Thảo N; còn con Nguyễn Phước A đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/5/2020; các lời khai và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn H trình bày:

Anh H thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, sau khi cưới anh về sống ở quê vợ xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Anh H thừa nhận giữa vợ chồng anh xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, anh có uống rượu về nhà gây gổ, chửi bới vợ con nhưng nguyên nhân cũng do vợ anh bệnh con dẫn đến các con xem thường, hỗn láo với anh nhưng anh không đánh vợ con; chị T đi làm có tiền về xem thường chồng nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một gay gắt nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn các con anh phải có đầy đủ cha, mẹ. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi con gái tên N và không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh không có nợ ai

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh H; giao con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/4/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con và giải quyết nuôi con chung Nguyễn Phước A vì đã thành niên nên không xem xét; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn H kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Chị T cho rằng: Anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện đánh đập, chửi bới vợ con làm ảnh hưởng đến tinh thần sức khỏe của chị và việc học của các con; anh H cho rằng do chị T không tôn trọng anh, lại bênh vực con dẫn đến các con có thái độ hờn oán với anh nên anh có uống rượu về chửi bới vợ con nhưng anh không đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được vì Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, trong khi đó, chị T và anh H đều thừa nhận giữa anh chị có nhiều mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Mặc dù, anh H không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng hơn thế nữa anh vẫn uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới vợ con làm cho cuộc sống của vợ chồng và các con lúc nào cũng ở trạng thái lo sợ nên chị T phải dẫn các con về ở bên nhà cha mẹ đẻ của mình, điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh chị đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh ngày 18/7/2002 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/4/2007. Khi Tòa án thụ lý vụ án thì cháu Nguyễn Phước A chưa thành niên nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm cháu A đã thành niên, tại phiên tòa chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu A nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng đối với con chung Nguyễn Phước A.

Về con chung Nguyễn Thị Thảo N, chị T và anh H đều có nguyện vọng nuôi con. HĐXX xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho con; cháu N là con gái lại có nguyện vọng được ở với mẹ, chị T là người mẹ thương yêu con, có việc làm ổn định, có thu nhập, từ trước đến nay chị là người chăm lo cho các con từ vật chất đến tinh thần, trong khi đó, anh H nghiện rượu, công việc không ổn định nếu giao con cho anh nuôi sẽ không đảm bảo. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi con của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận, theo đó giao con chung Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/4/2007 cho chị T nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Vì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; chị Tiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đ. Chị T đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ xong.

- Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/4/2007 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung Nguyễn Phước A, sinh ngày 18/7/2002 đã thành niên và các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng đối với con chung Nguyễn Phước A; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002581, ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã B, h.T, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

